TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2026/DS-ST
Ngày: 15-4-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Trần Văn S, sinh ngày 08 tháng 08 năm 1993 (có mặt);

- Chị Huỳnh Thị M, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1992 (có mặt);

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 (vắng mặt);

- Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh ngày 05 tháng 03 năm 1995 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp F, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 30 tháng 02 năm 2022, vì cần tiền làm vốn làm ăn (thương lái thu mua tôm) nên vợ chồng anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T có đến hỏi vay anh chị số tiền là 700.000.000 đồng, không lãi suất. Khi vay anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T có ký biên nhận nợ với anh chị, biên nhận nợ là do chị Đỗ Thị Hồng T viết, anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T hứa vài tháng trả vốn lại cho vợ chồng anh chị. Tại thời điểm vay nợ, anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T có cam kết là sẽ dùng tài sản là diện tích đất ruộng khoảng 30 công tầm 03 mét, toạ lạc tại thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu để bảo đảm số tiền nợ vay trên. Tuy nhiên anh chị chỉ thoả thuận miệng với nhau chứ không có lập giấy tờ bảo đảm. Đến tháng 08 năm 2022, anh chị được biết, anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T do không thu hồi vốn được của một số thương lái nhỏ lẽ khác dẫn đến nguồn tiền của anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T vỡ nợ và không có khả năng chi trả số nợ nói trên cho anh chị. Nay anh chị yêu cầu giải quyết buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả cho anh chị số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng, ngoài ra anh chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang, bị đơn chị Đỗ Thị Hồng T trình bày như sau*:

Chị và anh Nguyễn Minh Đ nhận được các thông báo của Tòa án, nhưng bận công việc gia đình nên không có tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án, chị xác định vào ngày 30 tháng 02 năm 2022, cần tiền vốn làm ăn mua bán tôm, chị và anh Nguyễn Minh Đ có vay của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M số tiền 700.000.000 đồng, không có thỏa thuận thời hạn trả, có ghi biên nhận nợ. Nay chị và anh Nguyễn Minh Đ làm ăn thất bại nên chưa có khả năng chi trả tiền cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M, chị thừa nhận, chị và anh Nguyễn Minh Đ còn nợ anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M 700.000.000 đồng, chị hẹn trả cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền còn nợ nói trên.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh Đ biết để có ý kiến về việc anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T

trả số tiền vay còn nợ nhưng anh Nguyễn Minh Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, chị Đỗ Thị Hồng T thừa nhận có vay tiền, còn nợ nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: 02 Căn cước công dân tên Trần Văn S và Huỳnh Thị M (Bản sao); Biên nhận nợ ngày 30 tháng 02 năm 2022 của anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T (Bản phô tô và bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 20 tháng 9 năm 2024 của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M yêu cầu buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả cho anh chị số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng, anh chị không yêu cầu trả tiền lãi, ngoài ra anh chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M yêu cầu buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả cho anh chị số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả tiền vay còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại: ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T biết và ấn định thời gian để anh chị có ý kiến về việc anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M khởi kiện đối với anh chị trả tiền vay vốn gốc còn nợ nhưng anh Nguyễn Minh Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, chị Đỗ Thị Hồng T thừa nhận có vay tiền, còn nợ nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T nhưng anh chị vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa anh Trần Văn S, chị Huỳnh Thị M và anh Nguyễn Minh Đ, chị Đỗ Thị Hồng T được xác lập bằng lời nói, ghi biên nhận nợ (Biên nhận nợ ngày 30 tháng 02 năm 2022), ghi rõ số tiền vay là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T phải trả cho anh chị số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Hồng T thừa nhận nợ và hẹn trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền vay nói trên, anh Nguyễn Minh Đ không có ý kiến, yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của khởi kiện của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M phù hợp với lời trình bày của bị đơn chị Đỗ Thị Hồng T cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Biên nhận nợ ngày 30 tháng 02 năm 2022 của anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T là có vay tiền của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M tổng số tiền vốn gốc là 700.000.000 đồng đến nay chưa trả, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, hiện nay chị Đỗ Thị Hồng T cũng thừa nhận phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; ngoài ra anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T không có tài

liệu, chứng cứ chứng minh được trả số tiền nêu trên cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M, buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả tiền lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M, buộc anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M số tiền vay vốn gốc còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T trả tiền lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M nếu người phải thi hành án

anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T còn phải trả cho người được thi hành án anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh Đ và chị Đỗ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng (700.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 300.000.000 đồng x 4%).

Anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Trần Văn S và chị Huỳnh Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009892 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15 tháng 4 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo